

NHÌN LẠI CHÍNH SÁCH CỦA MỸ ĐỐI VỚI VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2017

DINH THỊ HOÀI HƯƠNG (*)

Tóm tắt: Việt Nam và Hoa Kỳ đều có vị trí quan trọng nhất định trong chính sách của nhau, xuất phát từ vị trí địa - chính trị, lợi ích chiến lược và lịch sử quan hệ của hai nước. Những thay đổi về chiến lược, chính sách của chính quyền Mỹ đối với Việt Nam qua các đời Tổng thống Mỹ Bill Clinton (1993-2001), George Bush (2001-2009) và Barack Obama (2009-2017) có tác động quan trọng đối với Việt Nam, đặt ra những yêu cầu điều chỉnh kịp thời để đưa quan hệ hai nước lên tầm cao mới, góp phần tạo thế và lực mới cho Việt Nam phát triển phồn vinh, độc lập tự chủ.

Từ khóa: Chính sách của Mỹ đối với Việt Nam; tác động chính sách của Mỹ đối với Việt Nam.

Abstract: Vietnam plays an important role in foreign policies of the United States and vice versa due to the political-geographical position, strategic benefic and relationship history of the two nations. Changes in strategies and policies towards Vietnam of the United States during multiple presidencies like Bill Clinton (1993-2001), George Bush (2001-2009) and Barack Obama (2009-2017) have had important implications to Vietnam, requiring instant modifications to bring the diplomatic relation between the two nations to a new level and to Vietnam in national development and independence.

Keywords: Policies towards Vietnam of the United States; policy impacts of the United States towards Vietnam.

Ngày nhận bài: 15/01/2019; Ngày sửa bài: 7/02/2019; Ngày duyệt đăng bài: 29/3/2019.

1. Vị trí, tầm quan trọng của Việt Nam đối với lợi ích và an ninh quốc gia Mỹ

Trải qua các đời tổng thống khác nhau, nước Mỹ luôn có một mục tiêu chiến lược xuyên suốt, đó là đảm bảo vị thế siêu cường duy nhất và vị trí lãnh đạo của Mỹ trong hệ thống quan hệ quốc tế, không để bất cứ đối thủ nào có thể cạnh tranh hay thách thức vị thế số 1 của Mỹ. Từ sau Chiến tranh Lạnh (năm 1991) với việc đối thủ lớn nhất là Liên Xô không còn nữa, Mỹ đã có những điều chỉnh chiến lược quan trọng, hướng tới Châu Á - Thái Bình Dương, khu vực được đánh giá là phát triển nhanh và

năng động nhất, tập trung nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới. Trong bối cảnh đó, Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng, có thể đáp ứng lợi ích nhiều mặt của Mỹ không chỉ trong mối quan hệ song phương giữa hai nước mà còn trong các mối quan hệ đa phương và song phương khác của Mỹ tại khu vực Đông Á, Châu Á - Thái Bình Dương.

Về địa chính trị chiến lược, Việt Nam có vị trí then chốt, cửa ngõ tại khu vực Đông Nam Á và có vai trò quan trọng trong Hiệp hội các quốc gia Đông

(*) NCS. Khoa Sử học, Học viện Khoa học xã hội, Email: hoaihuong21175@gmail.com

Nam Á (ASEAN), từ đó có thể đóng vai trò quan trọng trong chiến lược toàn cầu của Mỹ nói chung và chiến lược đối với khu vực nói riêng, giúp Mỹ phát huy ảnh hưởng và tập hợp các lực lượng tại khu vực. Mặc dù lịch sử quan hệ giữa hai nước từng là đối thủ, Việt Nam hiện tại không có tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải với Mỹ và là đối tượng cần tranh thủ của Mỹ, có nhiều lợi ích chiến lược tương đồng ngày càng tăng, trở thành dòng chính trong quan hệ giữa hai nước. Sự phát triển vững chắc và phồn vinh của Việt Nam trong ASEAN sẽ đem lại cho Mỹ nhiều hơn các đối tác chiến lược vững mạnh, phục vụ cho lợi ích của Mỹ, nhất là trong bối cảnh Trung Quốc đang trở lại ngày càng mạnh mẽ.

Về kinh tế, Việt Nam là một thị trường khá lớn, với dân số trẻ năng động, dễ thích nghi và có nhiều tiềm năng phát triển ở Đông Á. Thị trường của Việt Nam có thể hỗ trợ cho các thị trường Châu Á khác, có tiềm năng tiêu thụ lớn gấp hai lần một số nước mà Bộ Thương mại Mỹ coi là "những thị trường lớn đang xuất hiện" để tiêu thụ hàng hóa của Mỹ và là một địa điểm lý tưởng để di chuyển các ngành công nghiệp chế tạo "kỹ thuật tầm trung" đến đây để làm giảm chi phí nhân công đang gia tăng ở Hồng Kông, Hàn Quốc, Singapo. Do đó, Việt Nam được coi là một trong những "thị trường lớn đang nổi lên" và là một "chiến trường" cạnh tranh của Mỹ trong tương lai.

Vì các lý do trên, kể từ sau Chiến tranh Lạnh, Việt Nam ngày càng có vị trí quan trọng hơn trong chính sách của các chính quyền Mỹ vì những lợi ích chiến lược lâu dài của Mỹ và vì nước mà

Mỹ xác định cần xây dựng quan hệ chiến lược mới. Điều đó được thể hiện qua điều chỉnh chính sách của lần lượt các đời Tổng thống Mỹ Bill Clinton, George Bush và Barack Obama từ năm 1991 đến năm 2017.

2. Chính sách của Mỹ đối với Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2017

Chính sách của chính quyền Bill Clinton (1/1993-1/2001)

Tháng 1/1993, Tổng thống Mỹ Bill Clinton chính thức nhậm chức và bắt đầu thúc đẩy nhanh hơn tiến trình bình thường hóa quan hệ với Việt Nam xuất phát từ chính lợi ích của Mỹ. Động thái này diễn ra trong bối cảnh ở trong nước, Việt Nam bắt đầu tiến hành chính sách Đổi mới (năm 1986) thành công; ở ngoài nước, Việt Nam đã tích cực giải quyết "vấn đề Campuchia", POW/MIA (prisoner of war/missing in action) với Mỹ, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (năm 1991), cải thiện quan hệ và chuẩn bị gia nhập ASEAN. Chính sách bao vây cấm vận của Mỹ đối với Việt Nam đã trở nên lỗi thời trước sức ép của quốc tế và giới kinh doanh Mỹ muốn làm ăn với Việt Nam. Trong chuyến thăm Việt Nam (tháng 6 năm 1997), tân Ngoại trưởng Mỹ, bà M. Albright khẳng định Mỹ quyết tâm vượt qua khác biệt trong quá khứ, cùng nhau tiến về phía trước, hướng đến tương lai, thực thi các nỗ lực để thúc đẩy quan hệ thương mại song phương. Trước đó, Cố vấn An ninh Quốc gia Mỹ Althony Lake nói rõ quan điểm của phía Mỹ là "Hoa Kỳ muốn thấy một Việt Nam mạnh và ổn định, ngày càng hội nhập với các thể chế khu vực và

quốc tế, đồng thời Hoa Kỳ muốn thúc đẩy quan hệ với Việt Nam về những lợi ích chiến lược lâu dài"⁽¹⁾.

Để triển khai chiến lược này, về kinh tế, chính quyền Bill Clinton lần lượt tuyên bố nới lỏng (tháng 9/1993) và chính thức bãi bỏ lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam (ngày 3/3/1994), quyết định bình thường hóa quan hệ ngoại giao Mĩ - Việt Nam (ngày 11/7/1995), kí Hiệp định Thương mại song phương Mĩ - Việt Nam (BTA, ngày 13/7/2000) góp phần tăng cường mối quan hệ thương mại và đầu tư Việt - Mĩ, mở ra cơ hội tăng cường giao lưu giữa hai nước, đồng thời mở ra cánh cửa để Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Về chính trị ngoại giao, quan hệ song phương được cải thiện nhanh chóng với việc hai bên đã chính thức cử đại sứ tới công tác tại nước sở tại (tháng 5/1997). Tiến triển trong quan hệ giữa hai nước Việt Nam-Mĩ còn được thể hiện qua nhiều chuyến thăm cấp cao⁽²⁾ mà tiêu biểu nhất là chuyến thăm của Tổng thống Bill Clinton- Vị Tổng thống Mĩ đầu tiên đến Việt Nam vào tháng 11 năm 2000. Việc khai thông quan hệ chính trị - ngoại giao đã mở đường cho các quan hệ song phương về kinh tế, thương mại, hợp tác khoa học, kỹ thuật, công nghệ phát triển. Về an ninh - quốc phòng, hoạt động hợp tác quân sự song phương, thể hiện qua nhiều chuyến thăm cấp cao giữa hai nước⁽³⁾ tạo điều kiện cho giới quân sự hai nước chia sẻ các mối quan tâm chung về tình hình an ninh khu vực, giúp quan hệ song phương giảm đáng kể khoảng cách và gia tăng niềm tin chính trị.

Chính sách của chính quyền George Bush (1/2001-1/2009)

Tháng 1/2001, Tổng thống George Bush lên nắm quyền và nhanh chóng phải đối mặt với các thách thức đe dọa đến lợi ích và an ninh quốc gia của Mĩ, đáng kể nhất là sự trỗi dậy của chủ nghĩa khủng bố. Tháng 9/2002, chính quyền Mĩ đệ trình bản Chiến lược An ninh quốc gia gây nhiều tranh cãi, còn được gọi là Học thuyết Bush - hướng đến việc "vượt trên ngăn chặn và phòng vệ" đối với các cuộc tấn công hay các hành động thù địch nhằm loại trừ kẻ thù hay chủ nghĩa khủng bố. Chiến lược này đã mở ra một thời kỳ thay đổi sâu rộng trong chính sách đối ngoại của Mĩ, với tham vọng thiết lập lại trật tự thế giới sau sự kiện 11/9/2001. Chính quyền George Bush xác định sự ổn định và phát triển của khu vực Đông á phụ thuộc vào cam kết của Mĩ, đó là duy trì quan hệ với đối tác bằng hoạt động quốc phòng để trợ giúp cho hợp tác kinh tế thông qua

⁽¹⁾ Nguyễn Ngọc Dung: *Quan hệ Việt - Mĩ: Từ bình thường hóa đến đối tác toàn diện - một cách nhìn*, Tạp chí phát triển KH&CN, tập 19, số X4 năm 2016, tr. 61.

⁽²⁾ Chuyến thăm của Thứ trưởng Bộ Thương mại Mỹ T. Hauser (tháng 4/1996), Ngoại trưởng Mỹ W. Christopher (tháng 8/1995), tân Ngoại trưởng Mỹ M. Albright (tháng 6/1997) tới Việt Nam; chuyến thăm Mỹ của Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cẩm (tháng 10/1998).

⁽³⁾ Tháng 7/1996, Cố vấn An ninh quốc gia Mỹ Althony Lake thăm Việt Nam, tạo nền tảng cho hợp tác quân sự khởi đầu ở cấp tùy viên; năm 1997, Đô đốc J. Prueber - Tư lệnh quân đội Mỹ ở Thái Bình Dương thăm Việt Nam; tháng 3/2000, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Cohen thăm Việt Nam... Đáp lại, một phái đoàn các sỹ quan cao cấp Cục đối ngoại Bộ Quốc phòng Việt Nam đã tới Mỹ năm 1997 và tháng 11/2000, Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam Phạm Văn Trà có chuyến thăm Mỹ.

dầu tư, thương mại, thúc đẩy dân chủ nhân quyền⁽⁴⁾.

Quan hệ với Việt Nam được xác định dựa trên cơ sở mối quan hệ hữu nghị tích cực và đang phát triển, hợp tác nhiều mặt mang tính xây dựng vì lợi ích lâu dài của cả hai nước, với một tầm nhìn chia sẻ về một khu vực Châu Á - Thái Bình Dương ổn định, an ninh, dân chủ, hòa bình⁽⁵⁾. Về kinh tế, chính quyền Mĩ tiếp tục thúc đẩy tiến trình bình thường hóa và tăng cường hợp tác mở rộng trong lĩnh vực này, với nhiều thành tựu quan trọng như: Hiệp định Thương mại song phương Mĩ - Việt Nam (BTA) chính thức có hiệu lực (tháng 12/2001); Hiệp định hợp tác về khoa học và công nghệ (có hiệu lực từ tháng 3/2001); Hiệp định Dệt may (có hiệu lực từ tháng 5/2003); Hiệp định Hàng không (có hiệu lực từ tháng 1/2004); Hiệp định khung hợp tác về Kinh tế và kỹ thuật; Bản ghi nhớ hợp tác về nông nghiệp (kí tháng 6/2005); Mĩ trao quy chế quan hệ bình thường vĩnh viễn (PNTR) cho Việt Nam (12/2006). Tháng 5/2006, hai nước chính thức kết thúc đàm phán song phương về việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tạo thuận lợi lớn cho Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của WTO sau này (ngày 11/01/2007). Tháng 6/2007, hai nước đã kí Hiệp định khung về Thương mại và Đầu tư (TIFA) và từ năm 2008, Mĩ đã có sáng kiến mời Việt Nam tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Về chính trị - ngoại giao, hai bên tiếp tục thúc đẩy trao đổi thường xuyên các chuyến thăm viếng chính thức cấp cao⁽⁶⁾, góp phần đưa quan hệ hai nước trong lĩnh vực chính trị

ngoại giao lên tầm cao hơn. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, chính quyền George Bush cũng bắt đầu gia tăng sức ép đối với Việt Nam trên các vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo⁽⁷⁾. Về an ninh quốc phòng, trong thời gian này, hai nước đã kí kết một số hiệp định hợp tác trong lĩnh vực quân sự và tình báo, một hiệp định về giáo dục và huấn luyện quân sự quốc tế (IMET); phía Mĩ bắt đầu cho phép cung cấp thiết bị quân sự hạn chế nhưng vẫn duy trì lệnh cấm bán vũ khí sát thương cho Việt Nam. Tháng 11/2003, Chiến hạm Hải quân USS Vandegrift của Mỹ cập cảng Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh), trở thành con tàu hải quân đầu tiên của Mĩ cập bến ở Việt Nam kể từ sau khi chiến tranh kết thúc; tháng 12/2003, hai bên kí Thỏa thuận về hợp tác chống buôn bán ma túy mở ra lĩnh vực quan hệ mới, có ý nghĩa to lớn giữa hai nước. Năm 2008, hai nước bắt đầu tiến hành đối thoại song phương cấp thứ trưởng đầu

⁽⁴⁾ The National Security Strategy Report các năm 1994, 1995, 1996, 1997, 1999, 2000, 2001, 2006 cập tại <http://nssarchive.us/>.

⁽⁵⁾ Tuyên bố chung giữa Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (6/2008), truy cập tại <http://vietnamnet.vn/chinhtri/2008/06/790526/>.

⁽⁶⁾ Như: chuyến thăm của Thủ tướng Phan Văn Khải (6/2005), Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết (6/2007), Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (6/2008) tới Mỹ; chuyến thăm chính thức Việt Nam của Tổng thống Mỹ G. Bush (11/2006)...

⁽⁷⁾ Cụ thể: Hạ viện Mỹ đã thông qua Đạo luật Nhân quyền Việt Nam năm 2003 (H.R.1587, ngày 19/7/2003); Mỹ nổi lại các cuộc đàm phán song phương về nhân quyền sau ba năm bị gián đoạn (tháng 2/2006); Trợ lý Ngoại trưởng phụ trách Dân chủ, Nhân quyền và Lao động, Barry Lowenkron trình danh sách các tù nhân đặc biệt lên các quan chức của Bộ Ngoại giao Việt Nam; Mỹ xếp Việt Nam vào Danh sách các quốc gia cần quan tâm đặc biệt theo Đạo luật Tự do Tôn giáo của Hoa Kỳ (tháng 9/2004).

tiên tại Hà Nội về chính trị - an ninh - quốc phòng (PSDD).

Chính sách của chính quyền Barack Obama (1/2009-1/2017)

Barack Obama lên cầm quyền và điều chỉnh chiến lược đối ngoại mới theo hướng linh hoạt, mềm dẻo, thực dụng, coi trọng chủ nghĩa đa phương, sức mạnh tập thể, với trọng tâm chiến lược là chính sách “xoay trục” từ Đại Tây Dương sang Châu Á - Thái Bình Dương nhằm đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc, đe dọa hòa bình và an ninh khu vực, ảnh hưởng đến lợi ích của Mĩ và đồng minh.

Chính quyền Mĩ tiếp tục coi trọng tăng cường quan hệ sâu rộng với Việt Nam vì các lợi ích chiến lược lâu dài, coi Việt Nam có vai trò ngày càng quan trọng tại khu vực, muốn Việt Nam đóng vai trò quốc tế lớn hơn và hợp tác với Mĩ nhiều hơn trong các vấn đề quốc tế và khu vực, nhất là cương vị chủ tịch ASEAN năm 2010; khẳng định Mĩ sẽ xây dựng quan hệ Mĩ - Việt thành một trong những mối quan hệ quan trọng nhất đối với Mĩ ở khu vực và sẽ hợp tác với Việt Nam xử lý vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo không để cản trở mục tiêu trên. Lần đầu tiên trong Báo cáo Quốc phòng (QDR) năm 2010, Mĩ xác định Việt Nam là nước cần xây dựng quan hệ chiến lược mới⁽⁸⁾.

Để triển khai chiến lược này, về kinh tế, chính quyền của Tổng thống B. Obama đã đệ trình Quốc hội Mĩ phê chuẩn kế hoạch triển khai TPP - Hiệp định thương mại tự do kết nối các quốc gia hai bên bờ Thái Bình Dương, trong đó có sự tham gia của Việt Nam (tháng 12/2009); Đại diện Thương mại Mĩ đã đề

nghị hai bên tích cực hợp tác giải quyết một số vấn đề, làm cơ sở để Mĩ đẩy nhanh xem xét cấp Quy chế Ưu đãi thuế quan phổ cập (GPS) cho Việt Nam, công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường và là “nước đang phát triển” theo cam kết BTA và WTO. Về chính trị - ngoại giao, hai nước tiếp tục đạt được những bước tiến quan trọng mới, với việc thiết lập quan hệ đối tác toàn diện (tháng 7/2013). Trước đó, tháng 10/2011, Ngoại trưởng Mĩ Hillary Clinton có bài viết phác họa chính sách “xoay trục” của Mĩ, trong đó *mong muốn Việt Nam trở thành đối tác chiến lược của Mĩ*. Hai nước cũng tiếp tục có nhiều hoạt động trao đổi hợp tác song phương, với chuyến thăm Mĩ của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (tháng 4/2010), chuyến thăm Việt Nam của Ngoại trưởng Mĩ H. Clinton (tháng 7/2010) và chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Mĩ B. Obama (năm 2010) nhân kỷ niệm 15 năm thiết lập quan hệ ngoại giao song phương... Về an ninh - quốc phòng, năm 2010, cuộc đối thoại về chính sách quốc phòng Việt Mĩ (Defense Policy Dialogue - DPD) cấp thứ trưởng hàng năm đầu tiên được tổ chức tại Washington DC; năm 2011, hai nước đã ký Bản ghi nhớ tăng cường hợp tác quốc phòng song phương, xác lập năm lĩnh vực hợp tác cụ thể; tháng 10/2013, hai nước kí Hiệp định hợp tác tuần tra ven biển; tháng 9/2014, Mĩ dỡ bỏ một phần lệnh cấm vận vũ khí sát

⁽⁸⁾ Nguyễn Nhâm: *Chính sách đối ngoại của Mỹ với ASEAN và Việt Nam có gì mới*, 2016. Truy cập tại <https://vov.vn/the-gioi/quan-sat/chinh-sach-doi-ngoai-cua-my-voi-asean-va-viet-nam-co-gi-moi-138786.vov>.

thương để giúp Việt Nam tăng cường khả năng phòng thủ trên biển Đông; tháng 6/2015, hai nước kí Tầm nhìn chung Việt Nam - Hoa Kỳ về quan hệ quốc phòng. Ngoài ra, hai nước cũng đã phối hợp tốt trên nhiều vấn đề quốc tế và khu vực, từ không phổ biến vũ khí hạt nhân, chống khủng bố, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đến bảo đảm an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an toàn an ninh hàng hải, an ninh hạt nhân, duy trì hòa bình, ổn định và thúc đẩy hợp tác ở Châu Á - Thái Bình Dương⁽⁹⁾.

3. Tác động của những thay đổi trong chính sách của chính quyền Mĩ đối với Việt Nam

Về thương mại: Có thể nói, đây là lĩnh vực thành công nhất trong quan hệ Mĩ - Việt Nam, dưới sự điều chỉnh chính sách của các chính quyền Mĩ. Chỉ sau hai năm sau khi Hiệp định Thương mại song phương Mĩ Việt (BTA) có hiệu lực (tháng 12/2001), Mĩ đã trở thành thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu ngày càng tăng. Hàng xuất khẩu của Việt Nam được phân phối khá đồng đều trên bốn thị trường chính là Mỹ, EU, ASEAN và Nhật Bản, thể hiện dấu hiệu tích cực trong hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Tính chung lại, kể từ khi BTA được kí kết đến nay, quan hệ thương mại hai nước đã tăng 8 lần và Mĩ trở thành một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam⁽¹⁰⁾. Tuy nhiên, quan hệ thương mại song phương vẫn còn hạn chế, các mặt hàng chưa đa dạng, chưa tương xứng với tiềm năng của hai nước; Việt Nam vẫn chủ yếu xuất khẩu các

mặt hàng thô, hàm lượng lao động và vốn thấp.

Về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Ngay sau khi Tổng thống Mĩ B. Clinton tuyên bố Mĩ và Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao và trao đổi cấp đại sứ vào tháng 7/1995, nhịp độ đầu tư của các công ty Mĩ vào Việt Nam đã tăng lên rất nhanh. Nhiều tập đoàn kinh tế hàng đầu của Mĩ, trong đó có nhiều công ty lớn thuộc danh sách 500 doanh nghiệp hàng đầu thế giới (Intel, Microsoft, GE, Exxon Mobil, Ford, Citi Bank, AIG, USA Telecom...) đã hoạt động tại Việt Nam trong hầu hết các lĩnh vực. Các doanh nghiệp Mĩ cơ bản yên tâm đầu tư và kinh doanh lâu dài ở Việt Nam, coi Việt Nam là mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng của mình, nhất là khi Việt Nam tham gia đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Tính đến tháng 5/2013, tổng vốn đầu tư đăng kí của doanh nghiệp Mĩ đạt 10,5 tỷ USD và Mĩ là một trong 7 nước có số vốn đầu tư lớn nhất vào Việt Nam với 658 dự án. Tuy nhiên, nếu so sánh về quy mô kinh tế thì lượng vốn đầu tư của Mĩ vào Việt Nam còn rất hạn chế, chưa có nhiều dự án lớn, tập trung trong các lĩnh vực có hàm lượng công nghệ và vốn đầu tư cao; chưa tận dụng được thiết bị kỹ thuật, công nghệ và nguồn vốn chất lượng cao

⁽⁹⁾ Nguyễn Phú Trọng: *Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ phát triển tích cực trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế*, Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, số 3 (102), năm 2015.

⁽¹⁰⁾ Hà Mỹ Hương: *Chính sách của Việt Nam với Mỹ và quan hệ Việt - Mỹ những năm đầu thế kỷ XXI: Thực trạng và triển vọng*, Viện Quan hệ Quốc tế, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, truy cập tại địa chỉ <http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn>.

của Mĩ để phục vụ cho tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu.

Về viện trợ phát triển chính thức (ODA): ODA của Mĩ cho Việt Nam tuy chưa nhiều nhưng tăng tương đối đều, từ mức 25 triệu USD năm 2001, lên 39 triệu USD năm 2005, 109 triệu năm 2010, 115 triệu USD vào năm 2015 và 150 triệu USD năm 2017⁽¹⁾. Viện trợ của Mĩ dành cho Việt Nam còn bao gồm cả nguồn viện trợ từ các tổ chức NGO Mĩ cho các hoạt động nhân đạo, tuy nhiên không nhiều. Các lĩnh vực tập trung chủ yếu là xoá đói giảm nghèo, y tế công cộng, phòng chống HIV/AIDS, giải quyết hậu quả chất độc da cam, khắc phục hậu quả thiên tai thông qua các dự án y tế, giáo dục, đào tạo cán bộ tại các địa phương nghèo, khó khăn của Việt Nam.

Về chính trị - ngoại giao: Kể từ khi bình thường hoá quan hệ đến nay, hai bên đã có nhiều cuộc tiếp xúc và trao đổi đoàn cấp cao, các tuyên bố chung... Hoạt động ngoại giao và những thoả thuận hai bên đạt được đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc để hai nước phát triển ổn định trong khuôn khổ “đối tác xây dựng, hữu nghị, hợp tác nhiều mặt trên cơ sở bình đẳng, cùng tôn trọng lẫn nhau” vì lợi ích của nhân dân hai nước và đóng góp cho hoà bình và hợp tác quốc tế. Các cơ chế hợp tác cụ thể được thiết lập và đang được triển khai đã góp phần tiếp tục củng cố quan hệ Việt Nam - Mĩ. Tuy nhiên, quan hệ Việt - Mĩ trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao cho đến nay vẫn còn tiềm ẩn những nhân tố gây căng thẳng, chủ yếu do sự khác biệt chế độ chính trị và do phía Mĩ thường sử dụng các chiêu bài dân chủ, nhân quyền và tự

do tôn giáo làm nguyên cơ và phương tiện để can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam nhằm “chuyển hoá” Việt Nam theo hệ giá trị Mĩ.

Về an ninh - quốc phòng. Hoạt động hợp tác trong lĩnh vực nhạy cảm này đã đạt được nhiều tiến triển theo hướng cởi mở hơn, hợp tác nhiều hơn cả trong quan hệ song phương lẫn trong các cơ chế, các diễn đàn đa phương ở khu vực và quốc tế. Hai nước đã đạt được những thành tựu quan trọng, nhất là trong các vấn đề hợp tác chống khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, cứu hộ cứu nạn, tuần tra ven biển, không phổ biến vũ khí hạt nhân, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an toàn an ninh hàng hải, an ninh hạt nhân, duy trì hòa bình, ổn định và thúc đẩy hợp tác ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

Có thể nói, Mĩ là đối tác quan trọng mà Việt Nam cần thúc đẩy quan hệ lên tầm cao chiến lược phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển sức mạnh kinh tế và an ninh quân sự của mình. Để làm được điều này, Việt Nam cần nhận thức đúng về Mĩ trên cơ sở lợi ích quốc gia, hiểu biết, tin cậy lẫn nhau và giảm bớt khác biệt, bất đồng chi phối quan hệ hai nước. Trên cơ sở đó, Việt Nam cần làm tốt các mặt công tác sau:

Thứ nhất, Việt Nam cần xác định xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược lâu bền với Mĩ là bản lề của quá trình hội nhập sâu và tái cấu trúc phát triển.

Nội hàm quan hệ đối tác chiến lược

⁽¹⁾ Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ - US Aid truy cập tại <https://explorer.usaid.gov>.

mà Việt Nam muốn xây dựng với Mỹ là mối quan hệ cân bằng dựa trên ba trụ cột chính trị - kinh tế - an ninh. Ba trụ cột này luôn phải được duy trì một cách cân đối hợp lý và là cơ sở quan trọng để duy trì quan hệ song phương bền chặt và lâu dài. Việt Nam cũng cần phải chủ động xây dựng quan hệ bình đẳng, tránh bị lệ thuộc trong quá trình xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với một "nước lớn" như Mỹ, cũng tuyệt đối tránh trở thành trận địa của nước thứ ba. Cần tránh không để Việt Nam bị Mỹ lợi dụng chi phối, hay quan hệ song phương Việt - Mỹ làm ảnh hưởng tới quan hệ quốc tế.

Thứ hai, thúc đẩy quan hệ Việt - Mỹ đi vào chiều sâu và thực chất trên các cơ sở sau:

(i) Đánh giá lại toàn diện về "nguy cơ diễn biến hòa bình" để từ đó định ra một hướng đi mới cho quan hệ hai bên.

(ii) Đối thoại cởi mở và toàn diện nhằm giải quyết các hiểu lầm giữa hai bên đặc biệt là vấn đề chính trị.

(iii) Thực hiện các cải cách kinh tế trong nước, cải thiện môi trường đầu tư, thu hút các công ty xuyên quốc gia của Mỹ, nhất là lôi kéo các công ty Mỹ và các nước khác vào cùng khai thác trên Biển Đông.

(iv) Tranh thủ công nghệ cao của Mỹ trong bối cảnh Mỹ và Trung Quốc đang cạnh tranh và kiểm chế lẫn nhau về công nghệ cao.

(v) Về quy chế kinh tế thị trường, cần tăng cường vận động Mỹ công nhận quy chế kinh tế thị trường cho Việt Nam, tránh để doanh nghiệp Việt Nam bị phân biệt đối xử trong quan hệ kinh tế quốc tế.

(vi) Từng bước gia tăng và mở rộng

hợp tác quốc phòng, an ninh với Mỹ trong phạm vi có thể.

Kết luận

Từ sau Chiến tranh Lạnh kết thúc (năm 1991), cùng với việc điều chỉnh chiến lược quan trọng hướng tới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Việt Nam được Mỹ xác định là quốc gia có vị trí chiến lược quan trọng, có thể đáp ứng lợi ích nhiều mặt của Mỹ không chỉ trong mối quan hệ song phương giữa hai nước mà còn trong các mối quan hệ đa phương và song phương khác của Mỹ tại khu vực Đông Á, Châu Á - Thái Bình Dương và có thể đáp ứng chiến lược toàn cầu của Mỹ. Đó là lí do, các đời Tổng thống Mỹ từ Bill Clinton (1993-2001), George Bush (2001-2009) và Barack Obama (2009-2017) đều hết sức chú trọng nhân tố Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Mỹ ở khu vực. Do đó các đời Tổng thống trên liên tục có sự điều chỉnh theo hướng ngày càng tăng cường quan hệ với Việt Nam. Khi cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung và các nước lớn ngày càng gia tăng tại khu vực Đông Nam Á/Đông Á và Thái Bình Dương thì tầm quan trọng chiến lược của Việt Nam đối với Mỹ cũng gia tăng theo. Về phía Việt Nam, Mỹ là đối tác quan trọng bậc nhất mà Việt Nam cần phải thúc đẩy lên tầm cao chiến lược để tranh thủ tối đa, mọi mặt trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay⁽¹²⁾ Việc xử

⁽¹²⁾ Cho dù đang gặp khó khăn về kinh tế và cả những vấn đề chính trị trong nước, cho dù các đồng minh của Mỹ như các nước Tây Âu cũng đang ở trong một tình trạng khó khăn, nhưng đây chỉ là một bước suy giảm tạm thời, chắc chắn Mỹ và châu Âu vẫn là một khối thống nhất về kinh tế và chính trị. Việc duy trì quan hệ gắn gũi với một nửa thế giới này sẽ là một sự bảo đảm lớn cho sự phát triển của Việt Nam.

lý đúng dẫn quan hệ với Mĩ sẽ giúp Việt Nam tạo được thế và lực mới, “vươn lên ngọn sóng để lướt cùng với sóng”, mở cửa hội nhập sâu rộng vào thế giới, dùng ngoại lực tăng nhanh nội lực, khắc phục thế kẹt, củng cố tăng cường vị thế, đảm bảo phát triển phồn vinh, độc lập tự chủ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “20 năm quan hệ Việt - Mĩ, những dấu mốc đáng nhớ”, vnanet.vn, 21/7/2015, <http://vietnam.vnanet.vn/vietnamese/20-nam-quan-he-viet-%E2%80%93my-nhung-dau-moc-dang-nho/100602.html>

2. Hà Mỹ Hương, *Chính sách của Việt Nam với Mỹ và quan hệ Việt - Mỹ những năm đầu thế kỷ XXI: Thực trạng và triển vọng*, Viện Quan hệ Quốc tế, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Ngọc Dung (2016), Quan hệ Việt - Mĩ: Từ bình thường hóa đến đối tác toàn diện - một cách nhìn, *Tạp chí phát triển KH&CN*, tập 19, số X4-2016.

4. Nguyễn Nhâm (2016), *Chính sách đối ngoại của Mỹ với ASEAN và Việt Nam có gì mới*, truy cập tại <https://vov.vn/the-gioi/quan-sat/chinh-sach-doi-ngoai-cua-my-voi-asean-va-viet-nam-co-gi-moi-138786.vov>.

5. Nguyễn Thiết Sơn (2013), *Quan hệ kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ: Triển vọng hợp tác*, trong sách: Viện Nghiên cứu châu Mĩ (2013) “Châu Mĩ: Triển vọng và những thách thức”, Nxb. Lao động, Hà Nội.

6. Chúc Bá Tuyên (2015), “Nhìn lại

20 năm quan hệ Việt - Mĩ: Thành tựu và một số vấn đề đặt ra cho Việt Nam”, *Nghiên cứu quốc tế*, số 1(100).

7. Nguyễn Xuân Thắng (2007), Bình thường hoá và phát triển mối quan hệ hợp tác Việt Nam và Hoa Kỳ trong quá trình đổi mới đất nước, *Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 11(139), tháng 11.

8. The National Security Strategy Report các năm 1994, 1995, 1996, 1997, 1999, 2000, 2001, 2006 cập tại <http://nssarchive.us/>.

9. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2007), “Quan hệ Mĩ-ASEAN những năm đầu thế kỷ 21”, trong “ASEAN 40 năm nhìn lại và hướng tới”, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

10. Nguyễn Thu Thủy (2007), “*Sự điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI*”, Luận văn Thạc sỹ Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội.

11. Nguyễn Phú Trọng (2015), “Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ phát triển tích cực trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế”, *Nghiên cứu quốc tế*, số 3 (102).

12. Viện Nghiên cứu châu Mĩ (2010), *Hội thảo khoa học “Nhìn lại quan hệ Việt - Mĩ sau 15 năm bình thường hóa”*, được tổ chức ngày 12/7/2010 tại Hà Nội.

13. Alexander L. Vuving (2015), Việt-Mĩ những bước tiến thực chất, *Pháp Luật TP.HCM*, ngày 7/7/2015, <http://phapluattp.vn/ho-so-phong-su/vietmy-nhung-buoc-tien-thuc-chat-567107.html>